

Phụ lục I

**PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Đô thị	Phân loại đô thị		
		Hiện trạng năm 2021	Đến năm 2030	Định hướng đến năm 2050
1	Thành phố Lai Châu	III	III	II
2	Tam Đường (huyện Tam Đường)	V	IV	III
3	Bản Bo (huyện Tam Đường)			V
4	Tân Uyên (huyện Tân Uyên)	V	IV	III
5	Nậm Sỏ (huyện Tân Uyên)			V
6	Pắc Ta (huyện Tân Uyên)			V
7	Phúc Than (huyện Than Uyên)		V	IV
8	Than Uyên (huyện Than Uyên)	V	IV	III
9	Mường Kim (huyện Than Uyên)			V
10	Sìn Hồ (huyện Sìn Hồ)	V	IV	IV
11	Chăn Nưa (huyện Sìn Hồ)			V
12	Pa Tần (huyện Sìn Hồ)			V
13	Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ)		V	IV
14	Phong Thổ (huyện Phong Thổ)	V	IV	IV
15	Ma Lù Thàng (huyện Phong Thổ)		V	IV
16	Dào San (huyện Phong Thổ)			V
17	Mường Tè (huyện Mường Tè)	V	V	IV
18	Nậm Cười (huyện Sìn Hồ)			V

		Phân loại đô thị		
19	Nậm Nhùn (huyện Nậm Nhùn)	V	V	IV

Ghi chú:

- Phạm vi, ranh giới dự kiến của các đô thị được xác định cụ thể trong nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật;
- Việc phân loại đô thị phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia./.

Phụ lục II

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
	Khu công nghiệp Mường So	Huyện Phong Thổ	200

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình quy hoạch xây dựng, lập, phê duyệt dự án đầu tư.

- Đối với phần diện tích quy hoạch nằm ngoài chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022, chỉ triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phân bổ thêm chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp./.

Phụ lục III

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
I	Các cụm công nghiệp đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật			
	Cụm công nghiệp Than Uyên	Xã Phúc Than, huyện Than Uyên	50	Chế biến nông, lâm sản, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến khoáng sản, hàng mỹ nghệ
	Tổng cộng		50	
II	Các cụm công nghiệp thành lập mới			
1	Cụm công nghiệp Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	50	Chế biến chè, đồ gỗ mỹ nghệ, cơ khí sửa chữa, vật liệu xây dựng, tiểu thủ công nghiệp
2	Cụm công nghiệp Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	17,9	Chế biến nông lâm, thủy sản; sản xuất vật liệu xây dựng; tiểu thủ công nghiệp; cơ khí nhỏ
3	Cụm công nghiệp Mường Tè	Xã Bum Tở, huyện Mường Tè	46,24	Chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; tiểu thủ công nghiệp; cơ khí sửa chữa nhỏ
	Tổng cộng		114,14	

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi, ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục IV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU TỔ HỢP SINH THÁI, DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG, VĂN HÓA THỂ THAO VÀ SÂN GÔN TỈNH LAI CHÂU

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Phương án phát triển	Địa điểm dự kiến
I	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn	
1	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn (thuộc quần thể khu du lịch hang động Pu Sam Cáp)	Thành phố Lai Châu
2	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn Tam Đường	Huyện Tam Đường
3	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
II	Các khu du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp quốc gia (05 khu)	
1	Quần thể du lịch thác Tác Tình gắn với chinh phục đỉnh Pu Ta Leng	Huyện Tam Đường
2	Quần thể du lịch sinh thái Sin Suối Hồ gắn với đỉnh Bạch Mộc Lương Tử, Sơn Bạc Mây	Huyện Phong Thổ
3	Quần thể du lịch đèo Hoàng Liên tại huyện Tam Đường và huyện Tân Uyên gắn với du lịch sinh thái hang động Tiên Sơn	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên
4	Quần thể các đỉnh núi cao: Bạch Mộc Lương Tử, Pu Ta Leng, Tả Liên Sơn, Pu Si Lung	Các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Mường Tè
5	Quần thể du lịch sinh thái cao nguyên Sin Hồ	Huyện Sin Hồ
III	Các khu du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp tỉnh (27 khu)	
1	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị sinh thái Pu Sam Cáp	Thành phố Lai Châu

TT	Phương án phát triển	Địa điểm dự kiến
2	Quần thể du lịch Pu Sam Cáp	Thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường
3	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thương mại Vườn địa đàng Sơn Bình	Huyện Tam Đường
4	Quần thể Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng	Huyện Tam Đường
5	Quần thể Công viên hoa hồng	Huyện Tam Đường
6	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng Sâm Lai Châu huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường
7	Tổ hợp khu du lịch, nghỉ dưỡng phức hợp huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường
8	Quần thể Khu du lịch chinh phục đỉnh Pu Ta Leng	Huyện Tam Đường
9	Khu du lịch gắn với Bản văn hóa cộng đồng tại xã Khun Há	Huyện Tam Đường
10	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái văn hóa gắn với suối nước nóng Phiêng Phát	Huyện Tân Uyên
11	Quần thể du lịch sinh thái gắn với suối nước nóng Nà Hoi	Huyện Tân Uyên
12	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và văn hóa Pắc Ta	Huyện Tân Uyên
13	Tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng tắm nước nóng Mường Khoa	Huyện Tân Uyên
14	Quần thể du lịch sinh thái vùng chè gắn với suối nước nóng xã Trung Đồng	Huyện Tân Uyên
15	Tổ hợp du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa dân tộc Mông, bảo tồn chè cổ thụ và nuôi cá nước lạnh tại bản Hô Tra, xã Mường Khoa	Huyện Tân Uyên
16	Tổ hợp các dự án thương mại, dịch vụ và khách sạn	Huyện Tân Uyên
17	Quần thể du lịch lòng hồ thủy điện Huổi Quảng gắn với quần thể hang động Bản Mè	Huyện Than Uyên
18	Quần thể du lịch lòng hồ thủy điện Bản Chát	Huyện Than Uyên

TT	Phương án phát triển	Địa điểm dự kiến
19	Tổ hợp du lịch đèo Khau Co xã Phúc Than	Huyện Than Uyên
20	Quần thể du lịch cộng đồng xã Tà Mung	Huyện Than Uyên
21	Tổ hợp khu dịch vụ, giải trí khu Kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Huyện Phong Thổ
22	Quần thể khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè
23	Quần thể du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Lai Châu	Huyện Nậm Nhùn
24	Quần thể du lịch sinh thái Pú Đao kết hợp du lịch lòng hồ thủy điện	Huyện Nậm Nhùn
25	Tổ hợp du lịch sinh thái đỉnh Pu Si Lung	Huyện Mường Tè
26	Tổ hợp du lịch suối nước nóng Nậm Ngao	Huyện Mường Tè
27	Quần thể du lịch Sâm Lai Châu huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè

Ghi chú:

- Tên công trình, dự án được tạm thời xác định tại thời điểm lập quy hoạch; tên cụ thể, chính xác sẽ được xác định trong quá trình lập, phê duyệt chủ trương đầu tư;
- Quy mô, phạm vi ranh giới, diện tích sử dụng đất và điều kiện thành lập trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư./.

Phụ lục V**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
A	Cao tốc			
	Cao tốc Bảo Hà (Lào Cai) - Lai Châu (CT.13)	Đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai (IC.16), Lào Cai	Cửa khẩu Ma Lù Thàng, Lai Châu	Cao tốc 4 làn xe
B	Quốc lộ			
1	Quốc lộ 4D	Ngã 3 Pa So, huyện Phong Thổ	Đèo Trạm Tôn, huyện Tam Đường	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
2	Quốc lộ 12	Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Cầu Hang Tôm, huyện Sìn Hồ	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
3	Quốc lộ 32	Vách Kim, huyện Than Uyên	Ngã 3 Bình Lư, huyện Tam Đường	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
4	Quốc lộ 279	Đèo Khau Co, huyện Than Uyên	Cấp Na, huyện Than Uyên	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
5	Quốc lộ 279D	Mường Kim, huyện Than Uyên	Khoen On, huyện Than Uyên	Cấp IV, 2 làn xe
6	Quốc lộ 4H	Xã Mù Cả, huyện Mường Tè	Xã Pa Tần, huyện Mường Tè	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
7	Quốc lộ 4H3	Pác Ma, huyện Mường Tè	Cửa khẩu U Ma Tu Khoàng	Cấp IV, 2 làn xe
C	Đường tỉnh			
I	Đường tỉnh hiện có cải tạo, nâng cấp			
1	Quốc lộ 100 (chuyển thành đường tỉnh)	Ngã 3 Nậm Cáy, huyện Phong Thổ	Ngã 3 Mường So, huyện Phong Thổ	Cấp IV

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
2	Đường tỉnh 127	Ngã 3 Lai Hà (giao quốc lộ 12)	Trung tâm huyện Mường Tè	Cấp IV
3	Đường tỉnh 128	Ngã 3 Chăn Nưa	Trung tâm huyện Sìn Hồ	Cấp IV
4	Đường tỉnh 129	Thành phố Lai Châu	Trung tâm huyện Sìn Hồ	Cấp III-IV
5	Đường tỉnh 129B	Bản Nậm Pây tại Km24+100, quốc lộ 12, huyện Phong Thổ	Km0 tại ngã 3 Tà Ghênh, huyện Sìn Hồ	Cấp VI
6	Đường tỉnh 130	San Thàng, thành phố Lai Châu	Thèn Sin, huyện Phong Thổ	Cấp V
7	Đường tỉnh 132	Mường So, huyện Phong Thổ	Trung tâm xã Sì Lò Lầu, huyện Phong Thổ	Cấp IV-V
8	Đường tỉnh 133	Đường tỉnh 129, Séo Lèng, xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ	Quốc lộ 32, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Cấp VI
9	Đường tỉnh 134	Khau Giềng, giao quốc lộ 32 tại Km370 + 500, huyện Tân Uyên	Xã Pha Mu, huyện Tân Uyên (ranh giới huyện Quỳnh Nhai, Sơn La)	Cấp IV-V
10	Đường tỉnh 135	Thành phố Lai Châu	Trung tâm xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ	Cấp IV-V
11	Đường tỉnh 136	Km0, xã San Thàng, thành phố Lai Châu	Trung tâm huyện Tam Đường	Cấp III-IV
II	Đường tỉnh được nâng lên từ đường huyện			
1	Đường Thèn Sin - Sin Suối Hồ (dự kiến đường tỉnh 131)	Giao đường tỉnh 130, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường	Điểm giao đường Hành lang biên giới	Cấp VI

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
2	Đường Khun Há - Phúc Khoa - Mường Khoa (nối vào đường tỉnh 136)	Đường nối cao tốc	Quốc lộ 32	Cấp IV-VI
3	Đường Pa Tần - Huổi Luông (dự kiến đường tỉnh 129C)	Km34+300 quốc lộ 12, xã Pa Tần, huyện Sìn Hồ	Km1+55, quốc lộ 12, huyện Phong Thổ	Cấp V
4	Đường Khổng Lào - Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng	Giao đường tỉnh 130 (khoảng Km22), huyện Phong Thổ	Bãi đỗ xe cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ	Cấp IV
III	Đường tỉnh mở mới			
1	Đường Nậm Sỏ - Tà Mít (dự kiến đường tỉnh 133B)	Giao đường tỉnh 133, xã Nậm Sỏ, huyện Tân Uyên	Bến phà Tà Mít, huyện Tân Uyên	Cấp V-VI
2	Đường Tây sông Đà (Nậm Khao - Tà Tổng - Cao Chải - Nậm Ngà - Táng Ngá - Nậm Cha - Huổi Linh - Nậm Nhùn) (dự kiến đường tỉnh 126)	Xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Cấp V-VI
3	Đường nối Cao Chải - Mường Toong (Mường Nhé, Điện Biên) (dự kiến đường tỉnh 126B)	Cao Chải, huyện Mường Tè	Ranh giới tỉnh Điện Biên	Cấp V-VI
4	Đường nối Nậm Chà - Nậm Pồ (Điện Biên) (dự kiến Đường tỉnh 126C)	Xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn	Ranh giới tỉnh Điện Biên	Cấp V-VI
5	Đường nối Huổi Mẩn - Chà Cang (Nậm Pồ, Điện Biên) (dự kiến đường tỉnh 126D)	Huổi Mẩn, huyện Nậm Nhùn	Ranh giới tỉnh Điện Biên	Cấp V-VI
6	Đường Noong Hẻo - Nậm Hăn nối Tòa Chùa, Quỳnh Nhai (dự kiến đường tỉnh 137)	Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ	Ranh giới tỉnh Sơn La	-

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến tối thiểu (cấp đường/số làn xe)
7	Đường Nậm Nhùn - cầu Pá Bon	Nậm Nhùn	Giao quốc lộ 12	-
8	Đường nối Mường Tè - Nậm Nhùn	Thị trấn Mường Tè	Thị trấn Nậm Nhùn	-
IV	Một số công trình quan trọng có tính kết nối vùng			
1	Cầu Nậm Lăn - mốc 17	Sông Đà		Bê tông cốt thép dự ứng lực
2	Cầu Nậm Chà - Huổi Lĩnh	Sông Đà		Bê tông cốt thép dự ứng lực
3	Cầu Nậm Pì	Sông Nậm Na		
4	Cầu Pá Bon	Sông Nậm Na		
5	Cầu đa năng cửa khẩu Ma Lù Thàng	Ma Lù Thàng (Việt Nam)	Kim Thủy Hà (Trung Quốc)	Bê tông cốt thép dự ứng lực
6	Cầu Pá Ngừa (thay thế phà Pá Ngừa đường tỉnh 134)	hồ Bản Chát		Bê tông cốt thép dự ứng lực/ Đúc hẫng
7	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Tam Đường/Lai Châu	Sa Pa/Lào Cai	III
8	Hầm đường bộ qua đèo Khau Co	Than Uyên/Lai Châu	Văn Bàn/Lào Cai	III

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, chiều dài của các công trình, dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

I. DỰ ÁN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG QUY HOẠCH

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
A	Thủy điện			
I	Các dự án thủy điện đang vận hành			
1	Nậm Cầu 2	Huyện Mường Tè	10	10
2	Nậm Sì Lường 1A	Huyện Mường Tè	8	8
3	Nậm Cầu 1	Huyện Mường Tè	13	13
4	Pắc Ma	Huyện Mường Tè	160	190
5	Nậm Cùm 4	Huyện Mường Tè	56	56
6	Nậm Sì Lường 3	Huyện Mường Tè	25,4	25,4
7	Nậm Sì Lường 4	Huyện Mường Tè	25,1	25,1
8	Nậm Sì Lường 1	Huyện Mường Tè	30	30
9	Nậm Xí Lùng 1	Huyện Mường Tè	29	29
10	Pa Hạ	Huyện Mường Tè	28	28
11	Nậm Cùm 3	Huyện Mường Tè	48,5	48,5
12	Nậm Lăn	Huyện Mường Tè	15	15
13	Lai Châu	Huyện Nậm Nhùn	1.200	1.200
14	Nậm Nghe	Huyện Nậm Nhùn	7,5	7,5
15	Nậm Bùm 1	Huyện Nậm Nhùn	16	16
16	Nậm Ban 1	Huyện Nậm Nhùn	9,45	9,45
17	Nậm Ban 2	Huyện Nậm Nhùn	22	22
18	Nậm Ban 3	Huyện Nậm Nhùn	22	30
19	Nậm Bùm 2	Huyện Nậm Nhùn	28	28
20	Hua Bun	Huyện Nậm Nhùn	11,2	11,2
21	Nậm Cuối	Huyện Nậm Nhùn	11	11
22	Nậm Na 2	Các huyện Sìn Hồ, Phong Thổ	66	66

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
23	Nậm Na 3	Các huyện Sìn Hồ, Nậm Nhùn	84	84
24	Pa Tần 2	Huyện Sìn Hồ	20	20
25	Nậm Lũng	Huyện Phong Thổ	3,6	9
26	Nậm Cát	Huyện Phong Thổ	5	5
27	Nậm Na 1	Huyện Phong Thổ	30	30
28	Nậm Pạc 2	Huyện Phong Thổ	16	18,5
29	Nậm So 2	Huyện Phong Thổ	18	18
30	Nậm Pạc 1	Huyện Phong Thổ	14,5	16,5
31	Nậm Lụm 2	Huyện Phong Thổ	18	18
32	Nậm Xe	Huyện Phong Thổ	20	20
33	Nậm Lụm 1	Huyện Phong Thổ	8	8
34	Van Hồ	Huyện Phong Thổ	9,9	9,9
35	Chàng Phàng	Huyện Phong Thổ	5	5
36	Chu Va 12	Huyện Tam Đường	3,6	3,6
37	Nậm Thi 2	Huyện Tam Đường	8	8
38	Nậm Dích 1	Huyện Tam Đường	18	18
39	Chu Va 2	Huyện Tam Đường	12	20
40	Nậm So 1	Huyện Tam Đường	12	12
41	Hua Chăng	Huyện Tân Uyên	10,2	10,2
42	Nậm Be	Huyện Tân Uyên	4,6	4,6
43	Nậm Bon	Huyện Tân Uyên	3,6	3,6
44	Suối Lĩnh	Huyện Tân Uyên	5,2	6,2
45	Phiêng Lú	Huyện Tân Uyên	20	24
46	Hua Chăng 2	Huyện Tân Uyên	7	7
47	Nậm Mít Luông	Huyện Tân Uyên	6,8	6,8
48	Huội Quảng	Huyện Than Uyên	520	520
49	Bản Chát	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên	220	220
50	Nậm Mỏ 3	Huyện Than Uyên	10	10
51	Mường Kim II	Huyện Than Uyên	12	12
52	Mường Mít	Huyện Than Uyên	11	11
II	Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 đang triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030			
1	Nậm Cùm 1	Huyện Mường Tè	29,8	29,8

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
2	Nậm Cùm 2	Huyện Mường Tè	24	24
3	Nậm Cùm 5	Huyện Mường Tè	10	10
4	Nậm Xí Lùng 2	Huyện Mường Tè	29	29
5	Nậm Hản 1	Huyện Mường Tè	18	25
6	Nậm Luông	Huyện Mường Tè	21,5	21,5
7	Nậm Cùm	Huyện Mường Tè	7	7
8	Là Si 1	Huyện Mường Tè	11	23
9	Nậm Xí Lùng 2A	Huyện Mường Tè	26	29,65
10	Nậm Cầu Thượng	Huyện Mường Tè	7	7
11	Nậm Cầu	Huyện Mường Tè	29,6	29,6
12	Nậm Cùm 6	Huyện Mường Tè	7	10,5
13	Kho Hà	Huyện Mường Tè	22	22
14	Kha Ú 2	Huyện Mường Tè	15,5	15,5
15	Là Pơ	Huyện Mường Tè	7	22
16	Nậm Xí Lùng 1A	Huyện Mường Tè	7,8	7,8
17	Nậm Ma 1A	Huyện Mường Tè	16,6	16,6
18	Nậm Ma 1B	Huyện Mường Tè	14	14
19	Nậm Ma 1C	Huyện Mường Tè	10,5	10,5
20	Nậm Ma 2A	Huyện Mường Tè	11,5	11,5
21	Nậm Ma 2B	Huyện Mường Tè	13,8	13,8
22	Nậm Ma 3	Huyện Mường Tè	11,5	11,5
23	Nậm Xí Lùng 1B	Huyện Mường Tè	11	11
24	Nậm Pục	Huyện Mường Tè	6	6
25	Nậm Cùm 7	Huyện Mường Tè	6,5	6,5
26	Thọ Gụ	Huyện Mường Tè	30	30
27	Thọ Gụ 1	Huyện Mường Tè	10,2	10,2
28	Thò Ma	Huyện Mường Tè	6	6
29	Huổi Vần	Huyện Nậm Nhùn	8	8
30	Nậm Nghe 1A	Huyện Nậm Nhùn	10	10
31	Nậm Pì	Huyện Nậm Nhùn	10	10
32	Nậm Bùm 1A	Huyện Nậm Nhùn	9,5	9,5
33	Nậm Cuối 1	Huyện Nậm Nhùn	19	19
34	Nậm Cuối 1A	Huyện Nậm Nhùn	7	7
35	Nậm Cuối 1B	Huyện Nậm Nhùn	7,5	7,5
36	Nậm Páng 2	Huyện Nậm Nhùn	11	11
37	Nậm Chà 1	Huyện Nậm Nhùn	24	29,5
38	Nậm Chà 2	Huyện Nậm Nhùn	4,4	14

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
39	Nậm Chán	Huyện Sìn Hồ	7,8	7,8
40	Nậm Cây	Huyện Sìn Hồ	15	22,5
41	Pa Tần 1	Huyện Sìn Hồ	8	8
42	Suối Ngang	Huyện Sìn Hồ	5	12
43	Nậm Chán 1	Huyện Sìn Hồ	5	5
44	Tà Páo Hồ	Huyện Phong Thổ	10	15
45	Nậm Xe 2	Huyện Phong Thổ	8	8
46	Nậm Xe 2A	Huyện Phong Thổ	10	10
47	Vàng Ma Chải 2	Huyện Phong Thổ	19	19
48	Vàng Ma Chải 3	Huyện Phong Thổ	21	21
49	Nậm Han	Huyện Phong Thổ	8	8
50	Nậm Pạc 1A	Huyện Phong Thổ	6,2	6,2
51	Nậm Lon	Huyện Phong Thổ	10	10
52	Tà Páo Hồ 2	Huyện Phong Thổ	5	5
53	Tà Páo Hồ 1A	Huyện Phong Thổ	13,5	13,5
54	Tà Páo Hồ 1B	Huyện Phong Thổ	10,5	10,5
55	Pa Vây Sừ 1	Huyện Phong Thổ	8,5	8,5
56	Nùng Than 1	Huyện Phong Thổ	30	30
57	Nậm Thi 1	Huyện Tam Đường	10	10
58	Nậm Giê	Huyện Tam Đường	4	14
59	Nậm Dích 2	Huyện Tam Đường	9	9
60	Chu Va 2A	Huyện Tam Đường	8	14,5
61	Đông Pao	Huyện Tam Đường	7,6	7,6
62	Phiêng Khon	Huyện Tân Uyên	18	24
63	Hố Mít	Huyện Tân Uyên	5	5
64	Hua Be	Huyện Tân Uyên	10	10
65	Nậm Bon 1	Huyện Tân Uyên	10	10
66	Nậm Be 2	Huyện Tân Uyên	10	10
67	Nà An	Các huyện Tân Uyên, Tam Đường	10,2	14
68	Mường Kim 3	Huyện Than Uyên	18,5	18,5
69	Nậm Mỏ 2	Huyện Than Uyên	20	17
70	Nậm Mỏ 1A	Huyện Than Uyên	18	30
III	Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030			

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
1	Nậm Ma	Huyện Mường Tè		40,5
2	Ma Nội	Huyện Mường Tè		8,6
3	Hà Né	Huyện Mường Tè		10
4	Kha Ú 1	Huyện Mường Tè		28
5	Là Si 2	Huyện Mường Tè		12
6	Là Si 3	Huyện Mường Tè		22
7	Nậm Hản 2	Huyện Mường Tè		18
8	Bum Nưa	Huyện Mường Tè		30
9	Khẻ Lú	Huyện Mường Tè		22,6
10	Thu Lũm	Huyện Mường Tè		14
11	Nậm Luông 1	Huyện Mường Tè		16
12	Là Si 1A	Huyện Mường Tè		28
13	Nậm Nhọ 1	Huyện Mường Tè		13,6
14	Nậm Hản A	Huyện Mường Tè		6
15	Ka Lăng B	Huyện Mường Tè		7
16	Nhù Cả	Huyện Mường Tè		7,2
17	Nậm Ngà	Huyện Nậm Nhùn		24
18	Nậm Nhé 1	Huyện Nậm Nhùn		18
19	Nậm Pồ	Huyện Nậm Nhùn		6,5
20	Nậm Đắc	Huyện Nậm Nhùn		4
21	Nậm Nhuần	Huyện Nậm Nhùn		3,6
22	Mường Mô	Huyện Nậm Nhùn		7
23	Nậm Cừ 1	Huyện Sìn Hồ		12
24	Nậm Cừ 2	Huyện Sìn Hồ		3,6
25	Ma Quai 1	Huyện Sìn Hồ		5
26	Ma Quai 2	Huyện Sìn Hồ		5
27	Nậm Nguyên	Huyện Sìn Hồ		8
28	Suối Ngâm	Huyện Sìn Hồ		25
29	Nậm Lụm 3	Huyện Phong Thổ		12
30	Po Chà	Huyện Phong Thổ		8
31	Pa Vây Sứ 2	Huyện Phong Thổ		18
32	Phai Cát	Huyện Phong Thổ		18
33	Nùng Than 2	Huyện Phong Thổ		8,6
34	Can Thàng	Huyện Phong Thổ		5
35	Nậm Lụm	Huyện Phong Thổ		6
36	Mán Tiên	Huyện Phong Thổ		4,6
37	An Hưng	Huyện Phong Thổ		5

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)	
			Hiện trạng	Đến năm 2030
38	Nậm Hồ	Huyện Tam Đường, thành phố Lai Châu		5

II. CÁC NGUỒN ĐIỆN TIỀM NĂNG

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
A	Thủy điện		757
1	A Mé 1	Huyện Mường Tè	3,2
2	A Mé 2	Huyện Mường Tè	7
3	Kha Ú	Huyện Mường Tè	9
4	Nậm Lăn 1	Huyện Mường Tè	15,6
5	Tả Phìn	Huyện Sìn Hồ	8
6	Nậm Cuối 2A	Huyện Nậm Nhùn	10,5
7	Mít Luông	Huyện Tân Uyên	12
8	Nậm Cầu Thượng 1	Huyện Mường Tè	10,2
9	Nậm Hạ	Huyện Mường Tè	4,2
10	Nậm Ngà 1	Huyện Mường Tè	10,5
11	Nậm Ngà 2	Huyện Mường Tè	5
12	Pa Hạ 1	Huyện Mường Tè	8,5
13	Xà Hồ	Huyện Mường Tè	10,5
14	Phiêng Khan	Huyện Mường Tè	7
15	Pa Hạ 2	Huyện Mường Tè	5
16	Nậm Ngọc	Huyện Mường Tè	17
17	Nậm Cuối 2B	Huyện Nậm Nhùn	5
18	Nậm Dăn	Huyện Nậm Nhùn	5,2
19	Nậm Tản 1A	Huyện Sìn Hồ	5
20	Van Um	Huyện Sìn Hồ	6,8
21	Phìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	25
22	Nậm Sáo	Huyện Sìn Hồ	5,4
23	Nậm Há	Huyện Sìn Hồ	9
24	Nậm Mông	Huyện Sìn Hồ	8
25	Phiêng Lót	Huyện Sìn Hồ	6
26	Nậm Khăn	Huyện Sìn Hồ	5
27	Ma Ly Pho	Huyện Phong Thổ	26
28	Nậm Pồ 2	Huyện Nậm Nhùn	9
29	Huổi Luông	Huyện Phong Thổ	5

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
30	Nậm Mu 2	Huyện Tam Đường	5,2
31	Sơn Bình	Huyện Tam Đường	7
32	Hồ Thầu 1	Huyện Tam Đường	6,2
33	Hồ Thầu 2	Huyện Tam Đường	5
34	Hồ Thầu 3	Huyện Tam Đường	5,4
35	Nậm Be Hạ	Huyện Tân Uyên	5
36	Châu Sa	Huyện Tam Đường	6
37	Nậm Dích 1A	Huyện Tam Đường	9
38	Nậm Cha 1	Huyện Tân Uyên	5
39	Nậm Cha 2	Huyện Tân Uyên	12
40	Hồ So	Huyện Tân Uyên	5
41	Hố Mít 1	Huyện Tân Uyên	5
42	Nậm Khăn	Huyện Than Uyên	12,6
43	Nậm Mùa	Huyện Than Uyên	5
44	Thủy điện - thủy lợi Nậm Mỏ	Huyện Than Uyên	9
45	Nậm Voi	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn	12
46	Nậm Khu Á	Huyện Mường Tè	6
47	Nậm Hản 1B	Huyện Mường Tè	5
48	Pa Vệ Sứ	Huyện Mường Tè	10
49	Nậm Cùm 5A	Huyện Mường Tè	10,5
50	Sông Đà	Huyện Mường Tè	70
51	Nậm Long	Huyện Nậm Nhùn	16
52	Nậm Bùm 1B	Huyện Nậm Nhùn	12
53	Nậm Ban 1A	Huyện Nậm Nhùn	10,5
54	Nậm Vạc	Huyện Nậm Nhùn	12
55	Nậm Hồ	Huyện Sìn Hồ	7
56	Nậm Cuối	Huyện Sìn Hồ	5
57	Tủa Sín Chải	Huyện Sìn Hồ	12
58	Phi Hồ	Huyện Sìn Hồ	7
59	Nậm Hái	Huyện Sìn Hồ	10
60	Lùng Thàng	Huyện Sìn Hồ, thành phố Lai Châu	25
61	Sìn Suối Hồ	Huyện Phong Thổ	5
62	Tả Nhì Thàng	Huyện Phong Thổ	6,5
63	Thèn Thầu	Huyện Phong Thổ	8
64	Tô Y Phìn	Huyện Phong Thổ	25
65	Mường So	Huyện Phong Thổ	13
66	Bản Bo	Huyện Tam Đường	6

TT	Nhà máy điện	Địa điểm	Công suất dự kiến (MW)
67	Bản Hon	Huyện Tam Đường	7
68	Nậm Dê	Huyện Tam Đường	26
69	Pá Khôn	Huyện Sìn Hồ, thành phố Lai Châu	22
70	Nậm Sô	Huyện Tân Uyên	5
71	Nậm Voi 1	Huyện Mường Tè	10
72	Hán Tủa Chử	Huyện Than Uyên	5
73	Nậm Mỏ 2A	Huyện Than Uyên	5
74	Nà Tỏ	Huyện Than Uyên	5
75	Phiêng Hoi	Huyện Tam Đường	8
76	Phìn Khò	Huyện Mường Tè	5
B	Thủy điện tích năng		1.700
1	Thủy điện tích năng Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	400
2	Thủy điện tích năng Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	300
3	Thủy điện tích năng Mường Tè	Huyện Mường Tè	1.000
C	Điện gió		555
1	Điện gió Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	
2	Điện gió Than Uyên	H. Than Uyên	
3	Điện gió Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	
D	Điện mặt trời		550
1	Điện mặt trời Bản Chát 1	Huyện Than Uyên	
2	Điện mặt trời Bản Chát 2	Huyện Than Uyên	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các dự án thủy điện đang vận hành, đang triển khai hoặc đã có trong quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chỉ được điều chỉnh quy mô, công suất khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định;

- Việc đầu tư các dự án thủy điện nhỏ phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất,...; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước,... và các quy định khác có liên quan.

- Đối với các nguồn điện tiềm năng: Việc đầu tư các dự án nguồn điện tiềm năng chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan./.

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI, TRUYỀN TẢI**I. TRẠM BIẾN ÁP 500KV**

TT	Trạm biến áp 500 kV	Công suất dự kiến (MVA)
I	Xây dựng mới	
1	Trạm biến áp 500 kV Than Uyên	900
2	Trạm biến áp 500 kV thủy điện tích năng Mường Tè	1.200
II	Nâng cấp, cải tạo	
	Trạm biến áp Lai Châu	2.700

II. ĐƯỜNG DÂY 500KV

TT	Đường dây 500 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
	Xây dựng mới	
1	NR Thủy điện tích năng Mường Tè (DZ 500kV Lai Châu - Sơn La)	2x30
2	Than Uyên - Lào Cai	2x70
3	Lai Châu - Than Uyên	2x130
4	Lai Châu - Điện Biên	2x52

III. TRẠM BIẾN ÁP 220KV

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến (MVA)
I	Xây dựng mới	
1	220kV Pắc Ma	750
2	220kV Phong Thổ	750
3	220kV Sìn Hồ	250
4	Điện mặt trời Bản Chát 1	375
5	Điện mặt trời Bản Chát 2	250
6	Điện gió Nậm Nhùn	375
7	Điện gió Than Uyên	250

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến (MVA)
8	Thủy điện tích năng Sìn Hồ	500
9	Thủy điện tích năng Nậm Nhùn	375
II	Nâng cấp, cải tạo	
1	AT3 220kV Mường Tè	750
2	AT3 220kV Than Uyên	750

IV. ĐƯỜNG DÂY 220KV

TT	Đường dây 220 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
I	Xây dựng mới	
1	Mường Tè - Pắc Ma	36
2	Than Uyên - Phong Thổ	65
3	Mường Tè - Lai Châu	50
4	Lai Châu - Phong Thổ	60
5	Than Uyên - TBA 500kV Lào Cai	65
6	Nậm Ou 7 - Lai Châu	65
7	NR Sìn Hồ (DZ 500kV Lai Châu - Phong Thổ)	5
8	Mường Tè - Sìn Hồ	35
9	Điện Biên 1 - Lai Châu	52
10	Xuất tuyến 220kV đấu nối 500kV Than Uyên	5
11	NR Điện mặt trời Bản Chát 1 (DZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	5
12	NR Điện mặt trời Bản Chát 2 (DZ 220kV Bản Chát - Huội Quảng)	5
13	NR Điện gió Nậm Nhùn (DZ 220kV Sìn Hồ - Lai Châu)	10

TT	Đường dây 220 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
14	Điện gió Than Uyên - TBA 220kV Than Uyên	10
15	NR Thủy điện tích năng Sìn Hồ (DZ 220kV Phong Thổ - Sìn Hồ)	25
16	NR Thủy điện tích năng Nậm Nhùn (DZ 220kV Mường Tè - Lai Châu)	2

V. TRẠM BIẾN ÁP 110KV

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
A	Xây dựng mới	
I	Cung cấp điện	
1	110kV Mường Tè	2x25 (lắp trước T1 25MVA)
2	110kV Tam Đường	2x40 (lắp trước T1 40MVA)
3	110kV Sìn Hồ	2x25 (lắp trước T1 25MVA)
4	110kV Tân Uyên	2x25 (lắp trước T1 25MVA)
5	110kV Tam Đường 2	2x40 (lắp trước T1 40MVA)
II	Đấu nối điện gió	
	Điện gió Sìn Hồ	2x30
III	Đấu nối thủy điện	
1	Nậm Pì	1x14
2	Nậm Xe	1x40
3	Nậm Ngệ 1A	1x14
4	Nậm Páng 2	1x14

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
5	Phiêng Lúc	1x31
6	Hua Be	1x14
7	Hua Bun	1x14
8	Nậm Mít Luông	1x16
9	Phiêng Khon	1x28
10	Huổi Vãn	1x11
11	Nậm Cuối 1B	1x13
12	Nậm Cuối 1	27+24,5
13	Nậm Lụng mở rộng	45+28,5
14	Nậm Xí Lùng 2A	1x34
15	Nậm Bùm 2	1x36
16	Nậm Bùm 1	1x20
17	Nậm Bùm 1A	1x12,5
18	Pa Hạ	2x18
19	Nậm Cuối	1x16
20	Nậm Cùm 4	2x40
21	Nậm Cùm 2	1x30
22	Nậm Cùm 3	2x33
23	Nậm Cùm 5	1x14
24	Vàng Ma Chải 2	1x26
25	Vàng Ma Chải 3	1x28
26	Nậm Lăn	1x20
27	Nậm So 1	1x28
28	Nậm So 2	1x25

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
29	Tà Páo Hồ	1x25
30	Pa Vây Sứ 1	1x22
31	Pa Vây Sứ 2	1x25
32	Tả Páo Hồ 1A	1x30
33	Tả Páo Hồ 1B	1x15
34	Nùng Than 1	34+22
35	Phai Cát	1x25
36	Nậm Xí Lùng 1	33
37	Nậm Xí Lùng 2	1x34
38	Chu Va 2	1x35
39	Nậm Cầy	20+17
40	Nậm Cùm 1	2x21,5
41	Kho Hà	2x15
42	Hà Né	1x21
43	Khẻ Ló	1x21
44	Ma Nội	1x12
45	Thọ Gụ	21,5+35,5
46	Nậm Cùm 7	1x9
47	Kha Ú 2	1x21
48	Kha Ú 1	2x20
49	Nậm Hản 2	1x25
50	Nậm Hản 1	25+9
51	Nậm Cầu	45+25
52	Nậm Cầu 2	1x32

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
53	Nậm Sì Lường 3	1x30
54	Nậm Sì Lường 4	1x30
55	Pắc Ma	4x45
56	Pa Tàn 2	35+15,5
57	Mường Kim 3	1x25
58	Hua Chăng 2	1x10
59	Đông Pao	1x12,5
60	Van Hồ	1x15
61	Nậm Pạc 1	1x50
62	Nậm Pạc 2	1x25
63	Nậm Lụm 2	1x33
64	Nậm Luồng	30+28,5
65	Nậm Mở 1A	82
66	Nậm Mở 2	25
67	Nậm Ngà	2x25
68	Nậm Ma 1A	39+32
69	Nậm Ma 3	30+28
70	Bum Nua	2x18
71	Nậm Cừ 1	1x35
72	Suối Ngâm	1x33
73	Là Si 1	1x32,5
74	Là Pơ	1x32,5
75	Nậm Bon 1	1x14
76	Là Si 1A	40+26

TT	Trạm biến áp 110 kV	Công suất dự kiến (MVA)
77	Nậm Nhé 1	1x25
78	Nậm Chà 1	1x40
79	Nậm Chà 2	1x20
80	Nậm Be 2	1x30
81	An Hưng	1x14
82	Nhù Cả	1x20
83	Nậm Lăn 1	1x20
84	Mường Tè 2 (gom thủy điện)	1x63
85	Mít Luông	1x18
86	Tả Phìn	1x11,5
87	Kha Ú	12,5+15
88	Nậm Ma	1x48
89	Nậm Giê	1x18
90	Là Si 3	1x32,5
B	Nâng cấp, cải tạo	
	Cung cấp điện	
1	Lắp T2 TBA 110kV Lai Châu	25
2	NCS T1 TBA 110kV Than Uyên	25
3	NCS T1 TBA 110kV Mường So	25
4	NCS T2 TBA 110kV Mường So	40
5	Lắp T2 TBA 110kV Mường Tè	25
6	NCS T1 TBA 110kV Phong Thổ	25
7	NCS T2 TBA 110kV Phong Thổ	40

VI. ĐƯỜNG DÂY 110KV

TT	Đường dây 110 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
A	XÂY DỰNG MỚI	
I	Cung cấp điện	
1	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Pắc Ma	2
2	220kV Pắc Ma - Nậm Cúm 4	5
3	TBA 220kV Phong Thổ - Phong Thổ - Mường So	0,1
4	TBA 220kV Phong Thổ - Phong Thổ - Nậm Ban	0,1
5	TBA 220kV Phong Thổ - Mường So - Nậm Na 1	1,7
6	TBA 220kV Phong Thổ - Nậm So 2	9
7	TBA 220kV Phong Thổ - Nậm So 2 -Mường So	2
8	TBA 220kV Mường Tè - TBA 110kV Mường Tè	8
9	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Sìn Hồ	3
10	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Sìn Hồ	7
11	NR TBA 110kV Tam Đường	3
12	NR TBA 110kV Sìn Hồ	10
13	NR TBA 110kV Tân Uyên	3
14	NR TBA 110kV Tam Đường 2	3
15	Nậm Ban - Mường Tè (Mạch 2)	50
16	Lai Châu - Nậm Pồ (Điện Biên)	40
II	Đấu nối điện gió	10
III	Đấu nối thủy điện	675
B	NÂNG CẤP, CẢI TẠO	
I	Cung cấp điện	153

TT	Đường dây 110 kV	Chiều dài dự kiến (Km)
1	Sa Pa - Than Uyên	68
2	Phong Thổ - Nậm Na 3 và các nhánh rẽ	80
3	TBA 110kV Than Uyên - TBA 220kV Than Uyên	5
II	Đầu nối thủy điện	3

VII. TRẠM BIẾN ÁP TRUNG ÁP

TT	Trạm biến áp trung áp	Số TBA/Tổng công suất (MVA)
I	Xây dựng mới	
1	Cung cấp điện	1.010/65,06
2	Đầu nối thủy điện	52/564
II	Cải tạo, nâng cấp	
	Cung cấp điện	500/102,63

VIII. ĐƯỜNG DÂY TRUNG ÁP

TT	Đường dây trung áp	Chiều dài dự kiến (Km)
I	Xây dựng mới	
1	Cung cấp điện	1.900
2	Đầu nối thủy điện	410
II	Cải tạo, nâng cấp	
	Cung cấp điện	1.000

IX. LƯỚI ĐIỆN HẠ ÁP

TT	Lưới điện hạ áp	Số TBA/Công suất; đường dây dự kiến (km)
I	Trạm biến áp	80/800

II	Đường dây	
1	Xây dựng mới	1.400
2	Nâng cấp, cải tạo	300

Ghi chú:

- Việc đầu tư các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp, sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế.

- Tiến độ, vị trí, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế. Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư./.

Phụ lục VII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, CẤP NƯỚC TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	Dự án nâng cấp cải tạo	
1	Hồ chứa để đảm bảo an toàn đập, gồm 4 hồ: Hoàng Hồ; Pa Khóa; Khu 9; hạ lưu thành phố Lai Châu	Các huyện Sin Hồ, Than Uyên và thành phố Lai Châu
2	Đập dâng cải tạo, nâng cấp (583 đập)	Các huyện, thành phố
2.1	Đầu mối đập dâng điển hình để đảm bảo an toàn đập, gồm 8 đầu mối: Đập công trình thủy lợi Hồ Thầu; Đập công trình thủy lợi Thèn Pả; Đập công trình thủy lợi Nậm Ma Nội; Đập công trình thủy lợi Phai Cát; Đập công trình thủy lợi Nậm Há; Đập công trình thủy lợi Hua Chăng; Đập công trình thủy lợi Nậm Pe; Đập công trình thủy lợi Hua Cườm	Các huyện Tam Đường, Mường Tè, Phong Thổ, Sin Hồ, huyện Tân Uyên
2.2	Đập dâng điển hình cấp nước cho các khu vực sản xuất tập trung, gồm 13 công trình thủy lợi: Nà Giang; Nậm Hang; Nà Tung; Bó Lun - Cốc Nhúng; Na Pu Đeng; Nậm Mạnh; Nà Phát - Sang Ngà; Nậm Mít; C23; Nậm Tàng - Nà Sảng; Chu Va 12.2; Nậm Pé; công trình thủy lợi Bản Giang	Các huyện: Phong Thổ, Tân Uyên, Mường Tè, Nậm Nhùn, Tam Đường
2.3	Công trình đập dâng kết hợp kiên cố hóa kênh mương theo Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (85 công trình)	Các huyện, thành phố
2.4	Công trình thủy lợi đã xuống cấp, hư hỏng nặng, công trình bị phá hủy do thiên tai (477 công trình thủy lợi)	Các huyện, thành phố
II	Dự án đề xuất mới	
1	Hồ chứa, đập dâng cấp nước cho các khu vực sản xuất nông nghiệp hóa, tập trung (04 hồ)	

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
1.1	Hồ Giang Ma	Huyện Tam Đường
1.2	Hồ Phiêng Lú	Huyện Tân Uyên
1.3	Hồ Cấn Co	Huyện Sìn Hồ
1.4	Hồ Phăng Sô Lin	Huyện Sìn Hồ
2	Công trình thủy lợi theo Quyết định số 5206/QĐ-BNN-TCTL của Bộ Nông nghiệp và PTNT (7 công trình)	
2.1	Đập Chung Chải	Huyện Sìn Hồ
2.2	Đập Nậm Mạ Dao	Huyện Sìn Hồ
2.3	Đập Nậm Pồ	Huyện Mường Tè
2.4	Đập Cốc Pa	Huyện Tam Đường
2.5	Đập Ma Sao Phìn	Huyện Tam Đường
2.6	Đập Sam Sầu	Huyện Than Uyên
2.7	Đập Phìn Khò	Huyện Mường Tè
3	Các đập tưới dưới 40 ha (65 công trình)	Các huyện, thành phố
4	Các hồ treo	Các huyện Tam Đường, Than Uyên, Mường Tè

B. DANH MỤC CÁC NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m ³ /ngày đêm)	Địa điểm dự kiến
A	CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ		
I	Nhà máy nước hiện trạng giữ nguyên công suất		
1	Nhà máy nước Hua Nà	2.000 m ³ /ngày đêm	Xã Hua Nà, huyện Than Uyên
2	Nhà máy nước Mường Than	1.000 m ³ /ngày đêm	Xã Mường Than, huyện Than Uyên
3	Nhà máy nước Quyết Thắng	1.500 m ³ /ngày đêm	Phường Quyết Tiến, TP Lai Châu

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m³/ngày đêm)	Địa điểm dự kiến
4	Nhà máy nước Vàng Bó	2.000 m ³ /ngày đêm	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ
5	Nhà máy nước khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	1.000 m ³ /ngày đêm	Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, xã Ma Ly Pho, huyện Phong Thổ
6	Nhà máy nước thị trấn Mường Tè	2.400 m ³ /ngày đêm	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè
7	Nhà máy nước thị trấn Tân Uyên	3.000 m ³ /ngày đêm	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
II	Nhà máy nước hiện có cải tạo, nâng công suất		
1	Nhà máy nước thị trấn Tam Đường	2.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Huyện Tam Đường
2	Nhà máy nước Nùng Nàng	3.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Thành phố Lai Châu
3	Nhà máy nước Tà Lèng TP. Lai Châu	31.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 16.000 m ³ /ngày đêm)	Thành phố Lai Châu
4	Nhà máy nước thị trấn Phong Thổ	2.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Huyện Phong Thổ
5	Nhà máy nước thị trấn Sìn Hồ	3.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.000 m ³ /ngày đêm)	Huyện Sìn Hồ
6	Nhà máy nước thị trấn Nậm Nhùn	3.000 m ³ /ngày đêm (tăng thêm 1.500 m ³ / ngày đêm)	Huyện Nậm Nhùn
III	Nhà máy nước xây mới		
1	Nhà máy nước số 2 thị trấn Tân Uyên	1.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Tân Uyên
2	Nhà máy nước đô thị Pắc Ta	1.100 m ³ /ngày đêm	Huyện Tân Uyên

TT	Tên nhà máy nước	Công suất dự kiến (m³/ngày đêm)	Địa điểm dự kiến
3	Tuyến ống truyền tải từ trạm Mường Than về thị trấn Than Uyên	1.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Than Uyên
4	Nhà máy nước thị trấn Phúc Than	1.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Than Uyên
5	Hạ tầng cấp nước ở khu vực Sơn Bình, Bình Lư	3.850 m ³ /ngày đêm	Huyện Tam Đường
6	Nhà máy nước Ma Lò Thành	2.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Phong Thổ
7	Nhà máy nước Nậm Tăm	2.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Sìn Hồ
8	Nhà máy nước thị trấn Nậm Nhùn	3.000 m ³ /ngày đêm	Huyện Nậm Nhùn
B	CẤP NƯỚC NÔNG THÔN		
	Các công trình cấp nước nông thôn được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đảm bảo tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 30% được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.		Các huyện, thành phố

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các khu xử lý	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	Khoảng 15 - 20
2	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Tam Đường	Xã Bình Lư, huyện Tam Đường	Khoảng 5 - 7
3	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Phong Thổ	Xã Mường So, huyện Phong Thổ	Khoảng 5 - 7
4	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Than Uyên	Xã Mường Cang, huyện Than Uyên	Khoảng 7 - 9
5	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Tân Uyên	Xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	Khoảng 6 - 8
6	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Sìn Hồ	Xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ	Khoảng 7 - 10
7	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Khoảng 5 - 7
8	Cơ sở xử lý chất thải rắn cấp huyện Mường Tè	Xã Bum Tở, huyện Mường Tè	Khoảng 5

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục IX

DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NGHĨA TRANG TỈNH LAI CHÂU

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nghĩa trang	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Nghĩa trang khu vực đô thị		
1	Nghĩa trang thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu	Khoảng 34
2	Nghĩa trang huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường	Khoảng 70
3	Nghĩa trang huyện Than Uyên	Huyện Than Uyên	Khoảng 140
4	Nghĩa trang huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	Khoảng 49
5	Nghĩa trang huyện Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	Khoảng 222
6	Nghĩa trang huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	Khoảng 52
7	Nghĩa trang huyện Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	Khoảng 97
8	Nghĩa trang huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	Khoảng 81
II	Nghĩa trang nông thôn Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến khoảng 5 - 10 ha		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ
CỨU NẠN CỨU HỘ TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đơn vị	Địa điểm dự kiến
1	Trụ sở Đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ trung tâm	Phường Đông Phong, thành phố Lai châu
2	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu vực I	Phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu
3	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu vực II	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn
4	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên
5	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè
6	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
7	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ
8	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ, huyện Sìn Hồ
9	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường
10	Trụ sở Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Trụ sở Đội cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục XI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ
2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Quy mô dự kiến (giường bệnh)
I	Công trình xây dựng mới		
1	Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Lai Châu	100
2	Trung tâm Sản nhi (tích hợp vào đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh)	Thành phố Lai Châu	100
3	Bệnh viện Nội tiết	Thành phố Lai Châu	100
4	Bệnh viện Tâm thần	Thành phố Lai Châu	50
5	Trung tâm Y tế huyện Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	100
6	Trung tâm Y tế thành phố	Thành phố Lai Châu	50
7	Trung tâm Y tế huyện Mường Tè (cơ sở 2)	Huyện Mường Tè	60
8	Trung tâm điều dưỡng kết hợp khám chữa bệnh Sìn Hồ (tư nhân)	Huyện Sìn Hồ	
II	Công trình nâng cấp cải tạo		
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	Thành phố Lai Châu	500
2	Trung tâm y tế huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	100
3	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	120
4	Bệnh viện Đa khoa huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường	130
5	Bệnh xá Công an	Thành phố Lai Châu	50
6	Nhà y tế trại tạm giam (để đủ điều kiện công nhận bệnh xá)	Thành phố Lai Châu	5

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục XII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021-2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm dự kiến	Số lượng tối thiểu
I	Trường trung học phổ thông		
1	Trường trung học phổ thông	Thành phố Lai Châu	4
2	Trường trung học phổ thông	Huyện Mường Tè	3
3	Trường trung học phổ thông	Huyện Nậm Nhùn	2
4	Trường trung học phổ thông	Huyện Sin Hồ	3
5	Trường trung học phổ thông	Huyện Phong Thổ	3
6	Trường trung học phổ thông	Huyện Tam Đường	2
7	Trường trung học phổ thông	Huyện Tân Uyên	2
8	Trường trung học phổ thông	Huyện Than Uyên	4
II	Trường trung học cơ sở		
1	Trường trung học cơ sở	Thành phố Lai Châu	8
2	Trường trung học cơ sở	Huyện Mường Tè	15
3	Trường trung học cơ sở	Huyện Nậm Nhùn	11
4	Trường trung học cơ sở	Huyện Sin Hồ	22
5	Trường trung học cơ sở	Huyện Phong Thổ	18
6	Trường trung học cơ sở	Huyện Tam Đường	13
7	Trường trung học cơ sở	Huyện Tân Uyên	11
8	Trường trung học cơ sở	Huyện Than Uyên	12
III	Trường tiểu học		
1	Trường tiểu học	Thành phố Lai Châu	10

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm dự kiến	Số lượng tối thiểu
2	Trường tiểu học	Huyện Mường Tè	10
3	Trường tiểu học	Huyện Nậm Nhùn	9
4	Trường tiểu học	Huyện Sìn Hồ	16
5	Trường tiểu học	Huyện Phong Thổ	13
6	Trường tiểu học	Huyện Tam Đường	8
7	Trường tiểu học	Huyện Tân Uyên	10
8	Trường tiểu học	Huyện Than Uyên	11
IV	Trường Mầm non		
1	Trường Mầm non	Thành phố Lai Châu	22
2	Trường Mầm non	Huyện Mường Tè	14
3	Trường Mầm non	Huyện Nậm Nhùn	11
4	Trường Mầm non	Huyện Sìn Hồ	22
5	Trường Mầm non	Huyện Phong Thổ	20
6	Trường Mầm non	Huyện Tam Đường	16
7	Trường Mầm non	Huyện Tân Uyên	14
8	Trường Mầm non	Huyện Than Uyên	14
V	Trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông ngoài công lập		
	Trường liên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông	Thành phố Lai Châu	1

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục XIII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Trường Cao đẳng cộng đồng	Thành phố Lai Châu	4
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu	1,5
3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Thành phố Lai Châu	4
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Thành phố Lai Châu	2
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	2
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Nậm Nhùn	Huyện Nậm Nhùn	2
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	2
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	2
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường	2
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Huyện Tam Đường	2
11	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (ngoài công lập)	Huyện Tam Đường	2
12	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	2
13	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Than Uyên	Huyện Than Uyên	2

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

Phụ lục XIV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
A	Công trình văn hóa		
I	Di tích đề nghị công nhận Di tích quốc gia đặc biệt		
	Địa điểm lưu niệm Vua Lê Thái Tổ	Xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn	166,5
II	Di tích đề nghị công nhận Di tích cấp tỉnh		
1	Hang Tà Mung	Xã Tà Mung, huyện Than Uyên	10
2	Hang Thăm Đán Minh	Xã Tà Hừa, huyện Than Uyên	10
3	Hang Huổi Hiên	Xã Vàng San, huyện Mường Tè	10
4	Hang Pá Khớ	Xã Mường Tè, huyện Mường Tè	10
5	Hang Seo Lềng	Xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ	10
6	Đường đá cở Pavi	Xã Sìn Suối Hồ, huyện Phong Thổ	100
7	Thác ba tầng	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	20
8	Nà Săng - Nơi thành lập Đội công an danh dự trừ gian	Xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên	2
9	Đỉnh núi Pú Dao	Xã Pú Dao, huyện Nậm Nhùn	1.500
10	Sâm Lai Châu gắn với đỉnh Pusilung	Xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	100
11	Đỉnh núi Bạch Mộc Lương Tử (3.046m)	Xã Sìn Suối Hồ, huyện Phong Thổ	1.000
12	Đỉnh núi Phàn Liên Sơn (3.012m)	Xã Pa Vây Sủ, huyện Phong Thổ	1.000
13	Đỉnh núi Tả Liên Sơn (2.996m)	Xã Tả Lềng, huyện Tam Đường	1.000

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
14	Đỉnh núi Pờ Ma Lung (2.967m)	Xã Bản Lang, huyện Phong Thổ	1.000
15	Ruộng bậc thang	Xã Tả Lèng, huyện Tam Đường	450
16	Ruộng bậc thang	Xã Đào San huyện Phong Thổ	100
B	Công trình thể thao		
1	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Lai Châu	2
2	Bảo tàng Sâm Lai Châu	Huyện Sìn Hồ	5
3	Thư viện tỉnh	Thành phố Lai Châu	2
4	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Lai Châu	2
5	Khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Lai Châu	18
6	Tượng đài và tranh hoành tráng	Thành phố Lai Châu	1
7	Tượng đài và tranh hoành tráng	Huyện Tân Uyên	1

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục XV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN AN SINH XÃ HỘI
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
I	Công trình nâng cấp cải tạo		
1	Trung tâm điều trị cai nghiện tỉnh số 1	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	0,5
2	Trung tâm dịch vụ việc làm	Phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu	0,5
3	Trung tâm Đón tiếp thân nhân liệt sỹ và Điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Lai Châu	Phường Quyết Thắng, thành phố Lai Châu	0,5
4	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp của tỉnh	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	1,5
II	Công trình xây dựng mới		
1	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp	Xã San Thàng, thành phố Lai Châu	1,5
2	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	1,5
3	Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ	1,5
4	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh số 2	Tại trung tâm điều trị trước đây của tỉnh Lai Châu	0,5

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.

Phụ lục XVI

CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
I	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		906.873	100,00	906.873	100,00	0
1	Đất nông nghiệp	NNP	634.780	70,00	692.936	76,41	58.155
	<i>Trong đó:</i>						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	33.480	3,69	32.610	3,60	-870
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>7.116</i>	<i>0,78</i>	<i>6.717</i>	<i>0,74</i>	<i>-399</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29.502	3,25	28.933	3,19	-569
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	262.925	28,99	268.450	29,60	5.525
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	41.275	4,55	41.275	4,55	0
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	213.651	23,56	279.670	30,84	66.019
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>179.227</i>	<i>19,76</i>	<i>178.772</i>	<i>19,71</i>	<i>-455</i>
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	35.631	3,93	50.497	5,57	14.866
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	286	0,03	674	0,07	388
2.2	Đất an ninh	CAN	67	0,01	94*	0,01	27
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	200	0,02	200
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	165	0,02	165
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	92	0,01	1.357	0,15	1.264
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	156	0,02	652	0,07	496
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	347	0,04	1.687	0,19	1.340
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia	DHT	7.139	0,79	15.628	1,72	8.489
	<i>Trong đó:</i>						

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
-	Đất giao thông	DGT	5.159	0,57	8.969	0,99	3.810
-	Đất thủy lợi	DTL	478	0,05	893	0,10	415
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	56	0,01	149	0,02	93
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	58	0,01	70	0,01	12
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	415	0,05	572	0,06	157
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	28	0,00	250	0,03	222
-	Đất công trình năng lượng	DNL	910	0,10	4.197	0,46	3.287
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	8	0,00	12	0,00	4
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	3	0,00	3
2.10	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	17	0,00	90	0,01	73
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	32	0,00	100	0,01	68
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4	0,00	22	0,00	18
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	579	0,06	667	0,07	88
2.14	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	8	0,00	259	0,03	251
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	3.458	0,38	5.075	0,56	1.616
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	472	0,05	1.234	0,14	762
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	147	0,02	195	0,02	47
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	42	0,00	57	0,01	15
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	236.462	26,07	163.440	18,02	-73.022
II	KHU CHỨC NĂNG		-		-		-
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	-		-		-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2	Đất khu kinh tế	KKT	14.636		21.831		7.195
3	Đất đô thị	KDT	21.744		25.866		4.122
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	115.859		100.891		-14.968
5	Khu lâm nghiệp	KLN	517.851		589.395		71.544
6	Khu du lịch	KDL	-		22.870		22.870
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	41.275		41.275		-
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC	-		365		365
9	Khu đô thị	DTC	-		2.146		2.146
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	92		1.357		1.264
11	Khu dân cư nông thôn	DNT	15.040		16.850		1.810

Ghi chú:

* Theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ: Quy hoạch 159 vị trí đất với tổng diện tích là 126 ha.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Phụ lục XVII

ĐỊNH HƯỚNG PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG TỈNH LAI CHÂU

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
I	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt	
1	Tiểu vùng dân cư tập trung ở đô thị bao gồm	Thành phố Lai Châu hiện tại là đô thị loại III và đến sau năm 2030 có thêm Đô thị Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên
2	Tiểu vùng nước mặt	Lưu vực sông Nậm Na, Lưu vực sông Nậm Mu, Lưu vực sông Nậm Mạ và các sông suối khác như: Nậm Cúm, Nậm Phìn Hồ, Nậm Cây, Nậm So, Nậm Tăm, Nậm Ban, Nậm Cuối
3	Tiểu vùng - phân vùng lõi của vườn quốc gia	Vùng lõi của vườn quốc gia Hoàng Liên Sơn thuộc xã Mường Khoa huyện Than Uyên
4	Tiểu vùng - rừng đặc dụng	41.275,0 ha trên địa bàn huyện Tân Uyên và huyện Mường Tè
5	Tiểu vùng - rừng phòng hộ	262.812,83 ha trên địa bàn các huyện, thành phố: thành phố Lai Châu, các huyện Than Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ và Mường Tè
6	Tiểu vùng khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa	47 điểm
II	Vùng hạn chế phát thải	
1	Tiểu vùng - vùng đệm của vườn quốc gia	Vùng đệm của vườn quốc gia Hoàng Liên Sơn 2, huyện Tam Đường và huyện Tân Uyên
2	Tiểu vùng - rừng sản xuất	Toàn bộ vùng quy hoạch rừng sản xuất 69.732,08 ha
3	Tiểu vùng - hành lang bảo vệ nguồn nước mặt	Các lưu vực sông Đà, sông Nậm Na, sông Nậm Mu và sông Nậm Mạ
4	Tiểu vùng - khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V	07 thị trấn của 07 huyện trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2021 - 2025: đô thị loại IV thị trấn Tân Uyên; giai đoạn 2026 - 2030: các đô thị loại IV: Sìn Hồ, Tam Đường, Than Uyên, Phong Thổ; các đô thị loại V: Nậm Tăm (huyện Sìn Hồ), Ma Lù Thàng (huyện Phong Thổ), Phúc Than (huyện Than Uyên)
5	Tiểu vùng khu vực cao nguyên	Cao nguyên Sìn Hồ (huyện Sìn Hồ).

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
6	Tiểu vùng Khu vực động Tiên Sơn và thác Tác Tỉnh	Khu vực động Tiên Sơn và thác Tác Tỉnh (huyện Tam Đường)
7	Tiểu vùng Quần thể hang động Pu Sam Cáp	Quần thể hang động Pu Sam Cáp (thành phố Lai Châu).
8	Tiểu vùng Khu di tích bia và đền vua Lê Thái Tổ kết hợp lòng hồ Mường Lay, làng văn hóa du lịch Pú	Xã Pú Dao (huyện Nậm Nhùn)
9	Tiểu vùng Bản văn hóa du lịch Sin Suối Hồ	Sin Suối Hồ (huyện Phong Thổ)
10	Các tiểu vùng tại các điểm du lịch định hướng trở thành khu du lịch cấp tỉnh	27 điểm
11	Các tiểu vùng tại các điểm, khu du lịch phụ trợ	<p>Các khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng Nà Đon, Vàng Bó, Thống Nhất (Phong Thổ), Trung Đồng (Tân Uyên); các điểm: du lịch cộng đồng tại Bản văn hóa dân tộc Đào San, Vàng Pheo (Phong Thổ); du lịch nghỉ dưỡng và trải nghiệm văn hóa tại Pắc Ta (Tân Uyên); Điểm du lịch hang dơi Hua Bum (huyện Nậm Nhùn), khu bảo tồn thiên nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà tại các xã Tà Tổng, Mù Cả, Ka Lăng và Thu Lũm (huyện Mường Tè), khám phá đỉnh núi Pu Si Lung, rừng nguyên sinh và khu vực trồng sâm Lai Châu và dược liệu khác (huyện Mường Tè), khám phá Di tích Hang Thẩm Tạo (huyện Phong Thổ); khu di tích lịch sử cách mạng Bản Lướt (huyện Than Uyên), Hang kháng chiến Nà Củng, Đồn Mường So, Di chỉ khảo cổ cấp quốc gia Di tích Nậm Tun thuộc xã Mường So huyện (Phong Thổ); Điểm du lịch khám phá, tâm linh tại khu vực Hòn Đá Trắng (huyện Mường Tè), Đền thờ Nàng Han (huyện Phong Thổ); Điểm du lịch lòng hồ thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng - Bản Chát; Điểm du lịch cộng đồng Lao Chải I, Lao Chải II xã Khun Há; Điểm du lịch cộng đồng, khám phá, ngắm cảnh, tâm linh khu vực Lao Tỷ Phụng, xã Nùng Nàng (huyện Tam Đường); Điểm du lịch sinh thái bản Tô Y Phìn của xã Lán Nhì Thàng; Khám phá vùng chè cổ trong khu rừng nguyên sinh, suối nước nóng của các xã Sỉ Lở Lầu, Mồ Sỉ San, Pa Vây Sứ; Trải nghiệm Phiên chợ vùng cao, ruộng bậc thang và mùa hoa Dã quỳ thuộc các xã Bản Lang, Lào San,</p>

TT	Tên vùng/tiểu vùng	Phạm vi/vị trí
		Mù Sang, Vàng Ma Chải, Sì Lở Lầu, khu Cửa khẩu Ma Lù Thàng (huyện Phong Thổ).
12	Tiểu vùng các vùng đất ngập nước quan trọng	Hồ chứa thủy điện Huội Quảng (huyện Than Uyên), hồ chứa thủy điện Bản Chát (huyện Than Uyên, huyện Tân Uyên), hồ chứa thủy điện Lai Châu (tại huyện Mường Tè, huyện Nậm Nhùn), hồ chứa thủy điện Sơn La (tại huyện Sin Hồ, huyện Nậm Nhùn).
13	Các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường cần được bảo vệ: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đất trồng lúa 2 vụ.	

Phụ lục XVIII

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu bảo tồn	Vị trí	Quy mô dự kiến (ha)
	Khu bảo tồn cấp quốc gia (*)		
1	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	Huyện Tân Uyên	7.500
2	Khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	33.775

Ghi chú:

() Các khu bảo tồn cấp quốc gia thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

Phụ lục XIX

**PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TỈNH LAI CHÂU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực quy hoạch	Tổng diện tích dự kiến (ha)
1	Cát vật liệu xây dựng thông thường	39	83.189
2	Cát, sỏi vật liệu xây dựng thông thường	39	624
3	Chì kẽm	4	205
4	Đá phiến lợp	2	32
5	Đá vật liệu xây dựng thông thường	71	969
6	Đất hiếm	5	1.473
7	Đá vôi Dolomit	4	76
8	Đồng	5	508
9	Sắt	2	773
10	Sét vật liệu xây dựng thông thường	11	340
11	Vàng	9	4.039
12	Vật liệu san lấp	46	805
13	Đá xây dựng	1	7
14	Than đá	2	400
	Tổng cộng	240	93.442

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng các điểm mỏ (nếu cần) cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan./.

Phụ lục XX

**PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

Khu dùng nước	Chức năng nguồn nước				Mục đích sử dụng nước	
	Cung cấp nước	Điều hòa	Văn hóa xã hội	Hỗ trợ sinh thái	Hiện trạng	Kỳ quy hoạch
<i>Vùng I</i>		x			Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Nông nghiệp, sinh hoạt, thủy điện
Khu Nậm Là	x	x	x		Nông nghiệp, thủy điện	Nông nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Ma	x				Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Cúm	x	x	x	x	Nông nghiệp	Nông nghiệp, thủy điện
Khu ven sông Đà	x	x			Nông nghiệp	Nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng II</i>	x		x	x	Sinh hoạt, nông nghiệp	Sinh hoạt, nông nghiệp,
Khu Nậm Bùn	x		x	x	Giao thông thủy, thủy điện	Giao thông thủy, công nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Nhọt	x	x		x	Nông nghiệp	Nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng III</i>	x			x	Nông nghiệp, thủy điện	Nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Cúm	x	x			Giao thông thủy, công nghiệp, thủy điện	Giao thông thủy, công nghiệp, thủy điện

Khu dùng nước	Chức năng nguồn nước				Mục đích sử dụng nước	
	Cung cấp nước	Điều hòa	Văn hóa xã hội	Hỗ trợ sinh thái	Hiện trạng	Kỳ quy hoạch
Khu Nậm So	x			x	Nông nghiệp, sinh hoạt	Sinh hoạt, nông nghiệp
Khu ven sông Nậm Na	x	x			Nông nghiệp	Nông nghiệp
Khu ven sông Đà	x			x		Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng IV</i>	x	x	x		Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, thủy điện
Khu Nậm Mạ	x	x		x	Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện	Sinh hoạt, nông nghiệp, thủy điện
<i>Vùng V</i>	x			x	Công nghiệp, nông nghiệp giao thông thủy	Công nghiệp, nông nghiệp giao thông thủy
Khu thượng Nậm Mu	x	x	x		Nông nghiệp	Công nghiệp, nông nghiệp, không phát triển thủy điện
Khu Nậm Mít	x	x			Nông nghiệp	Nông nghiệp, sinh hoạt
Khu Bản Chát	x	x		x	Nông nghiệp, sinh hoạt	Nông nghiệp, sinh hoạt
Khu Nậm Kim	x	x		x	Nông nghiệp	Nông nghiệp, sinh hoạt

Phụ lục XXI

**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA TỈNH LAI CHÂU
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
I	DU LỊCH	
1	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị sinh thái Pu Sam Cáp	Thành phố Lai Châu
2	Quần thể khu du lịch chinh phục đỉnh Putaleng	Xã Hồ Thầu và thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường
3	Khu du lịch sinh thái Sin Suối Hồ gắn với đỉnh Bạch Mộc Lương Tử, Sơn Bạc Mây	Huyện Phong Thổ
4	Khu du lịch sinh thái cao nguyên Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ
5	Khu quần thể du lịch Pu Sam Cáp thành phố Lai Châu và huyện Tam Đường	Xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường và thành phố Lai Châu
6	Khu vui chơi giải trí tổng hợp tại thành phố Lai Châu kết hợp bản văn hóa du lịch bản Hôn	Thành phố Lai Châu
7	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn tại huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên
8	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn tại huyện Tam Đường	Xã Hồ Thầu và Thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường
9	Tổ hợp dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao sân gôn tại thành phố Lai Châu (thuộc quần thể khu du lịch hang động Pu Sam Cáp)	Xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu
10	Quần thể du lịch đèo Hoàng Liên tại huyện Tam Đường và huyện Tân Uyên gắn với du lịch sinh thái hang động Tiên Sơn (Tam Đường)	Huyện Tam Đường, huyện Tân Uyên
11	Khu du lịch gắn với bản văn hóa cộng đồng tại xã Khun Há	Huyện Tam Đường huyện Tân Uyên
12	Du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Lai Châu	Huyện Nậm Nhùn
13	Quần thể khu du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thương mại Vườn địa đàng Sơn Bình	Huyện Tam Đường

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
14	Khu du lịch sinh thái Pú Đao kết hợp du lịch lòng hồ thủy điện	Huyện Nậm Nhùn
15	Khu du lịch lòng hồ thủy điện Huổi Quảng gắn với quần thể hang động Bản Mè	Huyện Than Uyên
16	Khu du lịch lòng hồ thủy điện Bản Chát	Huyện Than Uyên
17	Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái văn hóa gắn với suối nước nóng Phiêng Phát	Huyện Tân Uyên
18	Khu du lịch sinh thái gắn với suối nước nóng Nà Hoi	Huyện Tân Uyên
19	Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng tại huyện Tam Đường	Huyện Tam Đường
20	Công viên hoa hồng	Huyện Tam Đường
21	Khu du lịch sinh thái đỉnh Pu Si Lung	Huyện Mường Tè
22	Khu du lịch nghỉ dưỡng tắm nước nóng khoáng Mường Khoa	Huyện Tân Uyên
23	Khu du lịch sinh thái vùng chè gắn với suối khoáng nóng Trung Đồng (Tân Uyên)	Xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên
24	Điểm du lịch suối nước nóng Nậm Ngoa (Pắc Ma)	Huyện Mường Tè
25	Khu du lịch cộng đồng, bảo tồn văn hóa dân tộc Mông, bảo tồn chè cổ thụ và nuôi cá nước lạnh	Bản Hô Tra, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên
26	Khu du lịch đèo Khau Co	Xã Phúc Than, huyện Than Uyên
27	Bản du lịch cộng đồng	Xã Tà Mung, huyện Than Uyên
28	Khu tổ hợp thương mại, dịch vụ và khách sạn huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên
29	Tổ hợp nhà hàng dịch vụ, bến bãi, kho hàng hóa khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Huyện Phong Thổ
30	Đề án xây dựng Công viên Địa chất	Bạch Mộc Lương Tử, Pu Ta Leng, Fansipang
II	THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ	
1	Cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng thương mại, giao thông, hạ tầng phục vụ xuất nhập khẩu, xây dựng cửa hàng miễn thuế tại Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
2	Khu đầu mối mở rộng Khu Kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Khu mở rộng kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng
3	01 Trung tâm hội chợ, triển lãm	Thành phố Lai Châu
4	Các trạm trung chuyển hàng hóa và kho vận	Các huyện Than Uyên, huyện Phong Thổ
5	Cải tạo, đầu tư mới các chợ từ nguồn ngân sách nhà nước	Huyện Mường Tè (08), huyện Sìn Hồ (09), huyện Phong Thổ (10), Huyện Tân Uyên (01), Huyện Than Uyên (06), Huyện Tam Đường (02), Huyện Nậm Nhùn (05)
6	Đầu tư mới các chợ từ ngân sách xã hội hóa	Thành phố Lai Châu (02), Huyện Than Uyên (1)
7	Đầu tư mới hệ thống siêu thị	Thành phố Lai Châu (05), huyện Mường Tè (02), huyện Phong Thổ (02), huyện Tam Đường (01), huyện Tân Uyên (01), huyện Than Uyên (01), huyện Sìn Hồ (01), huyện Nậm Nhùn (01)
8	Cải tạo, đầu tư mới hệ thống trung tâm hội chợ, triển lãm, trưng bày sản phẩm, cửa hàng miễn thuế	Thành phố Lai Châu (02), huyện Phong Thổ (02), huyện Sìn Hồ (01)
III	CÔNG NGHIỆP, TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP	
	CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG (ĐIỆN)	
1	Đầu tư xây dựng và khai thác điện gió	Các huyện Than Uyên, Nậm Nhùn, Mường Tè
2	Đầu tư xây dựng mới các nhà máy thủy điện nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Các huyện trên địa bàn
3	Đầu tư các thủy điện tích năng	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ
4	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây và trạm biến áp 220 kV	Các huyện, thành phố
5	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây và trạm biến áp 110 kV	Các huyện, thành phố

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
6	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường dây và trạm biến áp 35 kV	Các huyện, thành phố
7	Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện hạ áp 0,4 kV	Các huyện, thành phố
KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP		
8	Khu công nghiệp Mường So	Xã Mường So, huyện Phong Thổ
9	Cụm công nghiệp Than Uyên	Xã Phúc Than, huyện Than Uyên
10	Cụm công nghiệp Tân Uyên	Xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên
11	Cụm công nghiệp Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn
12	Cụm công nghiệp Mường Tè	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè
CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN		
13	Xây dựng nhà máy chế biến mắc ca	Các huyện trên địa bàn
14	Xây dựng nhà máy chế biến hoa quả	Các huyện Phong Thổ, Than Uyên
15	Xây dựng nhà máy chế biến chè	Các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Tân Uyên, Than Uyên, Sin Hồ
16	Xây dựng nhà máy chế biến dược liệu	Các huyện Sin Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, Tam Đường
17	Xây dựng nhà máy chế biến các sản phẩm từ quế	Các huyện Than Uyên, Nậm Nhùn, Mường Tè
18	Xây dựng nhà máy chế biến tinh dầu quế	Các huyện Tân Uyên, Mường Tè
19	Xây dựng nhà máy chế biến gừng, nghệ	Các huyện Phong Thổ
20	Xây dựng nhà máy chế biến chuối	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Tân Uyên
21	Xây dựng nhà máy chế biến chanh leo	Huyện Tam Đường
22	Xây dựng nhà máy chế biến chanh leo và các loại rau củ quả phục vụ xuất khẩu	Huyện Than Uyên

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
23	Xây dựng nhà máy sản xuất phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi	Các huyện Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên, Nậm Nhùn
24	Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi	Các huyện Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường, Nậm Nhùn, Thành phố Lai Châu
25	Xây dựng nhà máy sản xuất phân bón	Các huyện Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên, Nậm Nhùn
26	Xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất	Các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Mường Tè
27	Xây dựng nhà máy chế biến chè	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ
28	Xây dựng 3 nhà máy chế biến lâm sản: trong đó 2 nhà máy chế biến gỗ (chế biến gỗ, ván dăm, ván thanh, ván sợi MDF)	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên
29	Xây dựng nhà máy chế biến cao su	Xã Lê Lợi, huyện Nậm Nhùn
30	Xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung	Xã San Thàng, Thành phố Lai Châu
31	Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản từ các loại cá nuôi trong lồng	Các huyện Than Uyên và Nậm Nhùn
32	Xây dựng nhà máy chế biến các loại cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm)	Các huyện Tam Đường và Sìn Hồ
33	Xây dựng nhà máy chế biến gạo	Các huyện Than Uyên, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
34	Xây dựng nhà máy chế biến rau, hoa quả	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ
CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN		
35	Khai thác, chế biến mỏ đất hiếm Đông Pao	Huyện Tam Đường
36	Khai thác, chế biến đất hiếm Nam và Bắc Nậm Xe	Huyện Phong Thổ
37	Thăm dò, khai thác đất hiếm Thèn Thầu	Huyện Phong Thổ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
38	Sản xuất các sản phẩm có nguyên liệu đầu vào là đất hiếm	Huyện Phong Thổ
39	Thăm dò, khai thác đối với các thân khoáng Barit, Fluorit độc lập không đi kèm với đất hiếm.	Huyện Tam Đường
40	Khai thác, chế biến các mỏ vàng	Huyện Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè, Nậm Nhùn
41	Khai thác quặng các mỏ sắt, đồng, chì, kẽm	Huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Tam Đường
42	Khai thác và chế biến đá phiến lợp, đá trắng (dolomit) làm vật liệu xây dựng	Huyện Nậm Nhùn, Phong Thổ
43	Khai thác nguồn nước khoáng	Huyện Mường Tè, Phong Thổ, Tân Uyên
44	Khai thác các mỏ đất, đá làm vật liệu thông thường	Các huyện, thành phố
45	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
46	Đầu tư hệ thống máy móc để kết nối, theo dõi giám sát quản lý hoạt động khai thác khoáng sản	Toàn tỉnh
	CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG	
47	Xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung	Các huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Nậm Nhùn, Tam Đường, Sìn Hồ, Than Uyên
48	Xây dựng nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn tập trung	Trung tâm các huyện thị, các công trình lớn
49	Đầu tư phát triển cơ sở sản xuất cát nghiền	Các huyện Phong Thổ, Nậm Nhùn, Mường Tè, Than Uyên, Tân Uyên
IV	NGÀNH NÔNG NGHIỆP	
	Trồng trọt, chăn nuôi	
1	Khu nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ	Các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ
2	Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa, quả	Các huyện Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường, Phong Thổ và thành phố Lai Châu

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
3	Trồng và phát triển cây dược liệu	Các huyện Tam Đường, Mường Tè, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tân Uyên, Nậm Nhùn
4	Sản xuất giống, phát triển trồng và chế biến sâm Lai Châu	Các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè
5	Phát triển vùng chuyên canh rau, củ quả	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
6	Phát triển cây ăn quả	Các huyện, thành phố
7	Phát triển vùng gạo đặc sản, chất lượng	Các huyện Than Uyên, Tam Đường, Tân Uyên, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
8	Phát triển vùng chuyên canh mía	Các Huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường, Nậm Nhùn, Tân Uyên
9	Phát triển trồng, tiêu thụ chuối tây xuất khẩu	Huyện Tân Uyên.
10	Phát triển vùng sản xuất dừa tập trung	Các huyện Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Than Uyên.
11	Phát triển vùng nguyên liệu hoa quả gắn với nhà máy chế biến	Huyện Phong Thổ
12	Phát triển vùng hoa địa lan	Các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Tam Đường, Tân Uyên
13	Phát triển vùng chuyên canh gừng nghệ	Các huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
14	Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung	Huyện Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ, Phong Thổ, Nậm Nhùn, thành phố Lai Châu, Tam Đường, Mường Tè
15	Phát triển nuôi ong mật	Huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Thành phố Lai Châu, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
16	Đầu tư xây dựng 05 trạm kiểm dịch động vật	Đầu mối giao thông đường bộ thuộc địa bàn các huyện Tam Đường, Than Uyên,

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
		Nậm Nhùn, thành phố Lai Châu và khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng - Phong Thổ
17	Phát triển nuôi cá lồng trên lồng hồ thủy điện	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Tân Uyên, Than Uyên
18	Trang trại nuôi cá nước lạnh	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên, Sìn Hồ, Phong Thổ, Mường Tè
	Lâm nghiệp	
19	Mở mới, sửa chữa, nâng cấp đường lâm nghiệp, tạo cơ sở hạ tầng phục vụ vùng trồng rừng sản xuất	Các huyện trên địa bàn
20	Khoanh nuôi chuyển tiếp	Các huyện Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè và thành phố Lai Châu
21	Khoanh nuôi mới	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
22	Trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Các huyện Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè
23	Trồng cây phân tán	Các huyện, thành phố
24	Trồng cây mắc ca	Các huyện Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên, Nậm Nhùn, Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ
25	Trồng rừng quế gắn với vùng nguyên liệu tập trung	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Tân Uyên
26	Trồng rừng sản xuất gắn với chế biến lâm sản	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè, Phong Thổ
27	Trồng và chế biến các sản phẩm từ cây tre	Các huyện Phong Thổ, Nậm Nhùn, Mường Tè
28	Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng	Toàn tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
29	Thành lập khu rừng đặc dụng huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè
30	Cắm mốc phân định ranh giới rừng trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
31	Điều tra xác định trữ lượng các loại rừng để xây dựng hệ số chi trả phục vụ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
32	Điều tra, đánh giá khả năng hấp thụ cacbon các loại rừng trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
33	Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Sìn Hồ, Mường Tè
34	Điều tra, điều chỉnh ranh giới các loại rừng tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
35	Phân định cắm mốc ranh giới rừng; giao đất rừng gắn với giao rừng và xây dựng chứng chỉ quản lý rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì
V	PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN, XÂY DỰNG	
1	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hạ tầng các khu tái định cư, sắp xếp lại dân cư nông thôn, di dời dân cư vùng có nguy cơ sạt lở	Các huyện, thành phố
2	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Thành phố Lai Châu
3	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Sìn Hồ
4	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Than Uyên
5	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Mường Tè
6	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Nậm Nhùn
7	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Tân Uyên
8	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Phong Thổ
9	Phát triển các khu đô thị/tổ hợp nhà thương mại đô thị	Huyện Tam Đường

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
VI	HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY	
1	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy tại thành phố Lai Châu, trung tâm các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng, chống cháy rừng	Các huyện, thành phố
3	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng cháy, chữa cháy tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn	Các khu, cụm công nghiệp
VII	KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG	
1	Sân bay Lai Châu	Huyện Tân Uyên
2	Đường nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, thành phố Lai Châu
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ: 4H, 4D, 12, 32, 279D, 279	Các huyện, thành phố
4	Cải tạo, nâng cấp đoạn Pắc Ma - Thu Lũm - U Ma Tu Khoong (chuyển thành QL. 4H3)	Huyện Mường Tè
5	Cải tạo, nâng cấp các tuyến tỉnh lộ: 127, 128, 129, 129B, 130, 132, 133, 135	Các huyện, thành phố
6	Đường Tây Sông Đà (Nậm Khao - Tà Tổng - Cao Chải - Nậm Ngà - Tắc Ngá - Nậm Chà - Huổi Lỉnh - Nậm Nhùn dự kiến ĐT.126)	Các huyện Mường Tè, Nậm Nhùn
7	Nâng cấp đường Noong Hẻo - Cấn Co - Nậm Cuối - Nậm Hăn - Tủa Chùa (Điện Biên) bao gồm 01 cầu lớn qua lòng hồ thủy điện Sơn La, (chuyển thành ĐT.138)	Huyện Sìn Hồ
8	Đường Nậm Sỏ - Tà Mít (chuyển thành ĐT.133B)	Huyện Tân Uyên
9	Đường Khun Há - Phúc Khoa - Mường Khoa (chuyển thành ĐT.136)	Các huyện Tam Đường, Tân Uyên
10	Hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Huyện Tam Đường
11	Hầm đường bộ qua đèo Khau Co và các tuyến kết nối	Huyện Than Uyên

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
12	Xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường tuần tra biên giới	Khu vực giáp biên giới các huyện Mường Tè, Phong Thổ
13	Nâng cấp, sửa chữa, xây mới hệ thống đường ra biên giới	Các huyện Mường Tè, Phong Thổ
14	Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ tỉnh Lai Châu	Thành phố Lai Châu
15	Bến xe khách các huyện, thành phố, cửa khẩu Ma Lù Thàng	Các huyện, thành phố, cửa khẩu Ma Lù Thàng
16	Nâng cấp đoạn tuyến từ Nút Bảo Hà - Than Uyên - Tân Uyên - Tam Đường - Thành phố Lai Châu - Phong Thổ - Cửa khẩu Ma Lù Thàng	Các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Phong Thổ và thành phố Lai Châu
17	Đầu tư mới và nâng cấp Đường liên vùng, kết nối từ Tỉnh lộ 130 - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng	Huyện Phong Thổ
18	Đầu tư mới và nâng cấp Đường giao thông liên vùng từ bản Hoàng Hồ - bản Nậm Lúc xã Phăng Xô Lin đến xã Lùng Thàng, huyện Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ
19	Nâng cấp tuyến đường Phìn Hồ - Ma Quai - Lùng Thàng, thị trấn Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ
20	Đầu tư mới Đường liên vùng Pa Ủ - Bum Tở - Pa Vệ Sừ	Huyện Mường Tè
21	Xây dựng Cầu treo Bản Chang, kết nối đường tỉnh lộ 127 với khu đồi cao, thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên	Huyện Nậm Nhùn
22	Bến xe mới huyện Than Uyên	Huyện Than Uyên
22	Bến xe huyện Tân Uyên	Huyện Tân Uyên
23	Đầu tư các cảng, bến thủy nội địa	Toàn bộ tỉnh
VIII	THỦY LỢI, CẤP, THOÁT NƯỚC	
1	Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu
2	Hồ Giang Ma	Huyện Tam Đường
3	Hồ Phiêng Lúc	Huyện Tân Uyên
4	Hồ Cấn Co	Huyện Sìn Hồ
5	Hồ Phăng Xô Lin	Huyện Sìn Hồ

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
6	Kè chống sạt lở bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng	Các huyện Phong Thổ, Than Uyên và Mường Tè
7	Xây dựng các công trình cấp, trữ nước	huyện Mường Tè
8	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng các hồ, đập, công trình thủy lợi	Các huyện
9	Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho vùng sản xuất hoa, rau màu, cây trồng vùng dốc	Huyện Tân Uyên
10	Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp nhà máy cấp nước cho khu vực thị trấn, thị tứ	Các huyện, thành phố
11	Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường ống cấp nước cho khu vực thị trấn, thị tứ và thành phố Lai Châu	Các huyện, thành phố
IX	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trường, lớp học trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư mua sắm trang, thiết bị phục vụ đổi mới giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
X	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
1	Trung tâm nghiên cứu giống và cây trồng cấp vùng	
2	Các chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ phát triển	Các Sở/Ngành/Huyện/Thành Phố
3	Phát triển mỗi xã một sản phẩm OCOP	Các xã
4	Xây dựng chỉ dẫn địa lý vùng trồng, vùng nuôi cho các sản phẩm nông, lâm nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
XI	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
2	Xây dựng Bệnh viện Sản nhi	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
3	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Lai Châu
4	Xây dựng Bệnh viện Tâm thần	Thành phố Lai Châu
5	Xây dựng Bệnh viện Nội tiết	Thành phố Lai Châu
6	Xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực Mường Tè	Huyện Mường Tè

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
7	Xây dựng Phòng khám đa khoa khu vực Đào San - huyện Phong Thổ	Huyện Phong Thổ
XII	BUƯ CHÍNH, VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
1	Xây dựng nền tảng dữ liệu, phát triển chính quyền điện tử của tỉnh Lai Châu	Tỉnh Lai Châu
2	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng mạng di động 5G, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông	Tỉnh Lai Châu
3	Xây dựng đô thị thông minh tỉnh Lai Châu và các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số	Tỉnh Lai Châu
4	Hình thành các điểm bưu chính logistics phục vụ kinh tế nông thôn	Toàn tỉnh
5	Xây dựng trung tâm lưu trữ điện tử và giám sát an ninh mạng tỉnh Lai Châu (đảm bảo an toàn an ninh thông tin theo mô hình 4 lớp)	Tỉnh Lai Châu
6	Chuyển đổi số hệ thống thông tin cơ sở; an toàn thông tin	Tỉnh Lai Châu
XIII	VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO	
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Lai Châu	Thành phố Lai Châu
2	Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Lai Châu
3	Bảo tàng tỉnh	Thành phố Lai Châu
4	Bảo tàng sâm Lai Châu	Huyện Sin Hồ
5	Thư viện tỉnh	Thành phố Lai Châu
6	Cung văn hóa thanh, thiếu niên	Các huyện Mường Tè, Sin Hồ, Phong Thổ
7	Trung tâm văn hóa thể thao huyện	Các huyện Nậm Nhùn, Sin Hồ, Tam Đường, Than Uyên
8	Đầu tư bảo tồn, phát huy bản sắc tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Các huyện, thành phố
XIV	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	
1	Nâng cấp, mở rộng khu xử lý chất thải rắn tại các huyện	Các huyện
2	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho thành phố Lai Châu và trung tâm các huyện	Các huyện và thành phố

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
3	Nâng cấp trang thiết bị cho Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	
4	Đầu tư hệ thống quan trắc nước sông xuyên biên giới tự động	Các huyện Phong Thổ, Mường Tè
5	Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường không khí	Thành phố Lai Châu
6	Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn tại thành phố Lai Châu	Thành phố Lai Châu
7	Đầu tư Nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Lai Châu (giai đoạn II)	Thành phố Lai Châu
8	Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất các giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường
XV	BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC	
	Điều tra, nghiên cứu về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
XVI	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kè bảo vệ khu dân cư, công trình xây dựng, kè bờ sông, suối, bảo vệ biên giới	Các huyện, thành phố
2	Sắp xếp dân cư vùng nguy cơ sạt lở	Các huyện, thành phố
3	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ, cảnh báo thiên tai, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất	
XVII	TÀI NGUYÊN NƯỚC	
1	Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
2	Xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tự động trực tuyến các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
3	Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tỉnh Lai Châu	Toàn tỉnh
4	Xây dựng và tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước đối với nguồn nước nội tỉnh; xây dựng báo cáo tài nguyên nước	Toàn tỉnh

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
5	Điều tra, khoanh định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất	Toàn tỉnh
6	Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000 trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh
7	Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước nội tỉnh	Toàn tỉnh
8	Đánh giá, xác định, cập nhật định kỳ các đặc trưng cơ bản tài nguyên nước mặt.	Toàn tỉnh
9	Điều tra, đánh giá, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu; khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải.	Toàn tỉnh
10	Lập danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước được duyệt	Toàn tỉnh
XVIII	HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, CHÍNH TRỊ- XÃ HỘI	
1	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà công vụ của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh	Thành phố Lai Châu
2	Xây mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà công vụ của các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện	Các huyện, thành phố
3	Xây mới, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà công vụ của các cơ quan quản lý nhà nước cấp xã, phường, thị trấn	Các huyện, thành phố
4	Xây mới, cải tạo, nâng cấp, sắp xếp lại hoạt động của nhà khách tại cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị	Các huyện, thành phố

Ghi chú:

1. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

2. Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch vùng được phê duyệt.

3. Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án; đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành./.

Phụ lục XXII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH LAI CHÂU

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1585/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2023
của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Bản đồ định hướng quy hoạch kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Bản đồ định hướng quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000